**Phụ lục I**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH**

**VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQP ngày / /2023 của Bộ Quốc phòng)*

| **STT** | **Tên văn bản** | **Số hiệu** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| [ 1 ] | [ 2 ] | [ 3 ] | [ 4 ] |
|  | **Tổng cộng** |  |  |
| **I** | **Văn bản chủ trương của Đảng và các văn bản liên quan** |  |  |
| 1 | Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 20/7/1993 của Bộ Chính trị về phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2000 | [05-NQ/TW; 20/7/1993](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/NQ_48_NQTW_2005.pdf) |  |
| 2 | Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 16/6/2003 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2010 | [27-NQ/TW; 16/6/2003](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/NQ_48_NQTW_2005.pdf) |  |
| 3 | Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo | [06-NQ/TW; 16/7/20](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/NQ_48_NQTW_2005.pdf)11 |  |
| 4 | Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo | [08-NQ/TW; 26/01/20](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/NQ_48_NQTW_2005.pdf)22 |  |
| 5 | Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới | [28-NQ/TW; 25/10/20](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/NQ_48_NQTW_2005.pdf)13 |  |
| 6 | Kết luận số 25-TB/TW ngày 11/4/2017 của Bộ Chính trị về Đề án Đẩy mạnh phát triển CNQP, AN đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới | 25-TB/TW;  11/4/2017 |  |
| 7 | Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về Định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045 | [23-NQ/TW; 22/3/20](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/NQ_48_NQTW_2005.pdf)18 |  |
| 8 | Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam | 24-NQ/TW;  16/4/2018 |  |
| 9 | Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 | 29-NQ/TW;  17/11/2022 |  |
| 10 | Kết luận số 142-TB/TW ngày 08/8/2013 của Bộ Chính trị về Đề án Chiến lược phát triển công nghiệp an ninh giai đoạn 2013-2020 và định hướng 2030 | 142-TB/TW;  08/8/2013 |  |
| 11 | Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia | 30-NQ/TW;  25/7/2018 |  |
| 12 | Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia | 51-NQ/TW;  05/9/2019 |  |
| 13 | Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới | 12-NQ/TW;  16/3/2022 |  |
| 14 | Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt nam trong giai đoạn mới | 27-NQ/TW;  09/11/2022 |  |
| 15 | Quyết định số 2057/QĐ-TTg ngày 16/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách cơ sở công nghiệp quốc phòng | 2057/QĐ-TTg;  16/11/2011 |  |
| 16 | Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 28/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch của Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện đến năm 2020 Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới | 53/QĐ-TTg;  28/8/2018 |  |
| 17 | Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 29/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2025, tầm nhìn năm 2035 | 52/QĐ-TTg;  29/8/2018 |  |
| **II** | **Các Văn bản Quy phạm pháp luật có liên quan** |  |  |
| **II.1** | **Các văn bản pháp luật khung** |  |  |
| 1 | Hiến pháp 2013 | [Hiến pháp](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Hien%20phap%202013_Thai.pdf) |  |
| 2 | Luật Quốc phòng năm 2018 | [22/2018/QH14](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| 3 | Luật Công an nhân dân 2018 | [37/2018/QH14](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| **II.2** | **Các quy định trực tiếp về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp** |  |  |
| 1 | Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng 2008 | 02/2008/PL-UBTVQH12 | Pháp lệnh |
| 2 | Nghị định 46/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng | 46/2009/NĐ-CP;  13/5/2009 | Nghị định |
| 3 | Pháp lệnh Động viên công nghiệp 2003 | 09/2003/PL-UBTVQH11 | Pháp lệnh |
| 4 | Nghị định số 132/2004/NĐ-CP ngày 04/6/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Động viên công nghiệp | 132/2004/NĐ-CP;  04/6/2004 | Nghị định |
| 5 | Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020 quy định về Công nghiệp an ninh | 63/2020/NĐ-CP;  08/6/2020 | Nghị định |
| **II.3** | **Các quy định về hoạt động quy hoạch, kế hoạch** |  |  |
| 1 | Luật Quy hoạch 2017 | 21/2017/QH14 | Luật |
| 2 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch | 35/2018/QH14  20/11/2018 | Luật |
| 3 | Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến Quy hoạch | 01/2018/UBTVQH14; 22/12/2018 | Pháp lệnh |
| 4 | Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch | 751/2019/UBTVQH14; 16/8/2019 | Nghị quyết |
| 5 | Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. | 37/2019/NĐ-CP; 07/5/2019 | Nghị định |
| **II.4** | **Các quy định về quản lý sản xuất quốc phòng, an ninh** |  |  |
| 1 | Luật Đấu thầu năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2017, 2019, 2020, 2022 (Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-VPQH ngày 25/01/202) | 17/VBHN-VPQH; 15/7/2020 | Luật |
| 2 | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu | 63/2014/NĐ-CP; 26/6/2014 | Nghị định |
| 3 | Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 06/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| 4 | Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước | 163/2016/NĐ-CP;  21/12/2016 | Nghị định |
| 5 | Luật Giá năm 2012 | 11/2012/QH13 | Luật |
| 6 | Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | 177/2013/NĐ-CP; 14/11/2013 | Nghị định |
| 7 | Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | 149/2016/NĐ-CP; 11/11/2016 | Nghị định |
| 8 | Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá | 89/2013/NĐ-CP; 06/08/2013 | Nghị định |
| 9 | Luật Đầu tư năm 2020 (*về danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện*) | 61/2020/QH14; 17/6/2020 | Luật |
| 10 | Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư | 31/2021/NĐ-CP; 26/3/2021 | Nghị định |
| 11 | **Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017** | 14/2017/QH14 | Luật |
| 12 | **Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ** | **71/2018/NĐ-CP;**  **15/5/2018** | Nghị định |
| 13 | **Nghị định 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ** | **79/2018/NĐ-CP; 16/5/2018** | Nghị định |
| 14 | **Nghị định 101/2022/NĐ-CP ngày 08/12/2022 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh** | **101/2022/NĐ-CP; 08/12/2022** | Nghị định |
| 15 | Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 (Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018) | 30/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 | Luật |
| 16 | Luật An toàn, vệ sinh lao động | 84/2015/QH13; 25/6/2015 | Luật |
| 17 | Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động | 39/2016/NĐ-CP; 15/5/2016 | Nghị định |
| 18 | Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên | 32/2019/NĐ-CP; 10/4/2019 | Nghị định |
| 19 | [Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/](file:///\\192.170.110.1\Phong%20QLSX\5.%20Soạn%20thảo%20Thông%20tư%20mới%20thay%20thế%20Thông%20tư%20132\1.%20VBPL%20liên%20quan%20làm%20căn%20cứ%20xây%20dựng%20TT\2.%20Luật%20Quốc%20phòng%202018%20và%20Nghị%20định,%20TT%20dưới%20Luật\164.2017.NĐ.CP%20qđ%20về%20chức%20năng,%20nhiệm%20vụ%20của%20Bộ%20Quốc%20phòng.pdf)11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng | [01/2022/NĐ-CP; 30/](file:///\\192.170.110.1\Phong%20QLSX\5.%20Soạn%20thảo%20Thông%20tư%20mới%20thay%20thế%20Thông%20tư%20132\1.%20VBPL%20liên%20quan%20làm%20căn%20cứ%20xây%20dựng%20TT\2.%20Luật%20Quốc%20phòng%202018%20và%20Nghị%20định,%20TT%20dưới%20Luật\164.2017.NĐ.CP%20qđ%20về%20chức%20năng,%20nhiệm%20vụ%20của%20Bộ%20Quốc%20phòng.pdf)11/2022 | Nghị định |
| 20 | Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an | 01/2018/NĐ-CP; 06/8/2018 | Nghị định |
| **II.5** | **Các quy định về nguồn lực đảm bảo hoạt động của công nghiệp quốc phòng, an ninh** |  |  |
| **II.5.1** | **Các quy định về nguồn vốn đầu tư** |  |  |
| 1 | Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 06/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| 2 | Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước | 163/2016/NĐ-CP;  21/12/2016 | Nghị định |
| 3 | Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2013 (Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013) | 07/VBHN-VPQH; 11/7/2013 | Pháp lệnh |
| 4 | Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước | 50/2014/NĐ-CP; 20/5/2014 | Nghị định |
| 5 | Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2022 (Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-VPQH ngày 08/7/2022) | 13/VBHN-VPQH;  08/7/2022 | Luật |
| 6 | Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động Khoa học và công nghệ | 95/2014/NĐ-CP;  17/10/2014 | Nghị định |
| 7 | Luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2018 (Văn bản hợp nhất số 40/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018) | 40/VBHN-VPQH;  10/12/2018 | Luật |
| 8 | Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp | 91/2015/NĐ-CP; 13/10/2015 | Nghị định |
| 9 | Luật Đầu tư công năm 2019, sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022 (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-VPQH ngày 25/01/2022) | 01/VBHN-VPQH;  25/01/2022 | Luật |
| 10 | Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công | 40/2020/NĐ-CP;  06/4/2020 | Nghị định |
| 11 | Nghị định 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài | 56/2020/NĐ-CP;  25/5/2020 | Nghị định |
| 12 | Luật Quản lý, sử dụng tải sản công năm 2017 | 15/2017/QH14;  21/6/2017 | Luật |
| **II.5.2** | **Các quy định về hoạt động khoa học và công nghệ** |  |  |
| 1 | Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018, 2022 (Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-VPQH ngày 08/7/2022) | 13/VBHN-VPQH;  08/7/2022 | Luật |
| 2 | Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động Khoa học và công nghệ | 95/2014/NĐ-CP;  17/10/2014 | Nghị định |
| 3 | Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ | 08/2014/NĐ-CP;  27/01/2014 | Nghị định |
| 4 | Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/05/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ | 40/2014/NĐ-CP; 12/05/2014 | Nghị định |
| 5 | Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi, bổ sung 2013, 2019, 2022 | 11/VBHN-VPQH, 08/7/2022 | Luật |
| 6 | Nghị định 17/2023/NĐ-CP**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan** | 17/2023/NĐ-CP;  26/04/2023 | Nghị định |
| 7 | Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp | 103/2006/NĐ-CP;  22/9/2006 | Nghị định |
| 8 | Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ | 105/2006/NĐ-CP;  22/9/2006 | Nghị định |
| 9 | Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ | 119/2010/NĐ-CP;  30/12/2010 | Nghị định |
| 10 | Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 | 07/2017/QH14 | Luật |
| 11 | Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ | 76/2018/NĐ-CP; 15/5/2018 | Nghị định |
| 12 | Luật Công nghệ cao năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014 (Văn bản hợp nhất số 32/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019) | 32/VBHN-VPQH; 16/12/2019 | Luật |
| 13 | Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (*liên quan đến giao quyền sở hữu nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước*) | 70/2018/NĐ-CP; 15/5/2018 | Nghị định |
| 14 | Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ | 13/2019/NĐ-CP; 01/02/2019 | Nghị định |
| 15 | Nghị định số 169/2007/NĐ-CP ngày 11/9/2007 quy định việc huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác công an | 169/2007/NĐ-CP;  11/9/2007 | Nghị định |
| 16 | Thông tư liên tịch số 11/2007/TTLT-BCA-BKHCN ngày 27/7/2007 hướng dẫn tổ chức khoa học và công nghệ công lập mời chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam và cử cán bộ ra nước ngoài hoạt động khoa học công nghệ | 11/2007/TTLT-BCA-BKHCN;  27/7/2007 | Thông tư liên tịch |
| 17 | Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BCA-BKHCN-BTC ngày 14/11/2008 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 169/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 của Chính phủ về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác công an | 05/2008/TTLT-BCA-BKHCN-BTC;  14/11/2008 | Thông tư liên tịch |
| 18 | Thông tư liên tịch số 03/2009/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 09/4/2009 hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ được huy động phục vụ công tác công an | 03/2009/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BNV-BTC; 09/4/2009 | Thông tư liên tịch |
| **II.5.3** | **Các quy định về dự trữ vật tư** |  |  |
| 1 | Luật Dự trữ quốc gia 2012 | 22/2012/QH13 | Luật |
| 2 | Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia (Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BTC ngày 20/02/2017) | 03/VBHN-BTC; 20/02/2017 | Nghị định |
| **II.5.4** | **Các quy định về đất đai** |  |  |
| 1 | Luật Đất đai năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2018 | [21/VBHN-VPQH;](../../../D:%5CThaiCHCN%5CTai%20lieu%20van%20ban%5CCac%20van%20ban%20PTDS_CHCN%5CLuat%20dat%20dai%202019-VBHN-VPQH%201.pdf)  10/12/2018 | Luật |
| 2 | Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai | 43/2014/NĐ-CP; 15/5/2014 | Nghị định |
| 3 | Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai | 148/2020/NĐ-CP; 18/12/2020 | Nghị định |
| 4 | Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai | 10/2023/NĐ-CP; 03/4/2023 | Nghị định |
| 5 | Nghị Quyết 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn động trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế | 132/2020/QH14; 17/11/2020 | Nghị quyết |
| 6 | Nghị định 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế | 26/2021/NĐ-CP;  25/3/2021 | Nghị định |
| **II.5.5** | **Các quy định về huy động tổ chức, doanh nghiệp** |  |  |
| 1 | Luật Doanh nghiệp 2020 | 59/2020/QH14 | Luật |
| 2 | Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp | 16/2023/NĐ-CP; 25/4/2023 | Nghị định |
| 3 | Luật Đầu tư (*về các hình thức đầu tư, điều kiên tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng*) | 61/2020/QH14; 17/6/2020 | Luật |
| 4 | Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư | 31/2021/NĐ-CP; 26/3/2021 | Nghị định |
| 5 | **Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ 2017** | 14/2017/QH14 | Luật |
| 6 | **Luật** Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ | 50/2019/QH14;  25/11/2019 | Luật |
| 7 | **Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ** | **71/2018/NĐ-CP;**  **15/5/2018** | Nghị định |
| 8 | **Nghị định 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ** | **79/2018/NĐ-CP; 16/5/2018** | Nghị định |
| 9 | **Nghị định 101/2022/NĐ-CP ngày 08/12/2022 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh** | **101/2022/NĐ-CP; 08/12/2022** | Nghị định |
| **II.6** | **Các quy định về cơ cấu tổ chức** |  |  |
| 1 | Luật Doanh nghiệp 2020 |  |  |
| 2 | Nghị định quy định chi tiết một số điều của luật doanh nghiệp | 47/2021/NĐ-CP;  01/04/2021 | Nghị định |
| 3 | Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp | 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 | Nghị định |
| 4 | Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 ngày 19/6/2015 | 76/2015/QH13 | Luật |
| 5 | Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; | 47/2019/QH14 | Luật |
| 6 | [Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/](file:///\\192.170.110.1\Phong%20QLSX\5.%20Soạn%20thảo%20Thông%20tư%20mới%20thay%20thế%20Thông%20tư%20132\1.%20VBPL%20liên%20quan%20làm%20căn%20cứ%20xây%20dựng%20TT\2.%20Luật%20Quốc%20phòng%202018%20và%20Nghị%20định,%20TT%20dưới%20Luật\164.2017.NĐ.CP%20qđ%20về%20chức%20năng,%20nhiệm%20vụ%20của%20Bộ%20Quốc%20phòng.pdf)11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng | [01/2022/NĐ-CP; 30/](file:///\\192.170.110.1\Phong%20QLSX\5.%20Soạn%20thảo%20Thông%20tư%20mới%20thay%20thế%20Thông%20tư%20132\1.%20VBPL%20liên%20quan%20làm%20căn%20cứ%20xây%20dựng%20TT\2.%20Luật%20Quốc%20phòng%202018%20và%20Nghị%20định,%20TT%20dưới%20Luật\164.2017.NĐ.CP%20qđ%20về%20chức%20năng,%20nhiệm%20vụ%20của%20Bộ%20Quốc%20phòng.pdf)11/2022 | Nghị định |
| **II.7** | **Các quy định về động viên công nghiệp** |  |  |
| 1 | Luật Quốc phòng năm 2018 | [22/2018/QH14](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Luat_QP_So_22.2018.QH14_Thai.docx) | Luật |
| 2 | Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản 2008 | 15/2008/QH12 | Luật |
| **II.8** | **Các quy định về cơ chế, chính sách cho tổ chức, cá nhân** |  |  |
| 1 | Luật Đấu thầu (Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 17/VBHN-VPQH; 15/7/2020 | Luật |
| 2 | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu | 63/2014/NĐ-CP; 26/6/2014 | Nghị định |
| 3 | Luật Giá năm 2012 | 11/2012/QH13 | Luật |
| 4 | Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | 177/2013/NĐ-CP; 14/11/2013 | Nghị định |
| 5 | Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá | 149/2016/NĐ-CP; 11/11/2016 | Nghị định |
| 6 | Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá | 89/2013/NĐ-CP; 06/08/2013 | Nghị định |
| 7 | Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2020 (văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 14/VBHN-VPQH; 15/7/2020 | Luật |
| 8 | Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp | 218/2013/NĐ-CP; 26/12/2013 | Nghị định |
| 9 | Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007, sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2014 (Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014) | 15/VBHN-VPQH;  11/12/2014 | Luật |
| 10 | Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân (Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BTC ngày 26/5/2015) | 14/VBHN-BTC; 26/5/2015 | Nghị định |
| 11 | Luật Phí và lệ phí năm 2015 | 97/2015/QH13;  25/11/2015 | Luật |
| 12 | Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí | 120/2016/NĐ-CP; 23/8/2016 | Nghị định |
| 13 | Luật Quản lý thuế | 38/2019/QH14; 13/6/2019 | Luật |
| 14 | Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | 126/2020/NĐ-CP; 19/10/2020 | Nghị định |
| 15 | Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | 107/2016/QH13; 06/4/2016 | Luật |
| 16 | Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | 134/2016/NĐ-CP; 01/9/2016 | Nghị định |
| 17 | Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | 18/2021/NĐ-CP; 11/3/2021 | Nghị định |
| 18 | Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp | 47/2021/NĐ-CP;  01/4/2021 | Nghị định |
| 19 | Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp | 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 | Nghị định |
| 20 | Nghị định 19/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương của công nhân quốc phòng và chế độ phụ cấp thâm niên đối với viên chức quốc phòng | 19/2017/NĐ-CP;  24/02/2017 | Nghị định |
| 21 | Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019) | 24/VBHN-VPQH; 16/12/2019 | Luật |
| 22 | Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng | 98/2015/QH13; 26/11/2015 | Luật |
| 23 | Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22/02/2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyên ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng | 19/2022/NĐ-CP; 22/02/2022 | Nghị định |
| 24 | Luật Cạnh tranh | 23/2018/QH14; 12/6/2018 | Luật |
| 25 | Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh | 35/2020/NĐ-CP; 24/3/2020 | Nghị định |
| 26 | Luật thi đua khen thưởng | 06/2022/QH15; 15/6/2022 | Luật |
| 27 | Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam | 152/2020/NĐ-CP;  30/12/2020 | Nghị định |
| 28 | Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang | 204/2004/NĐ-CP; 14/12/2004 | Nghị định |
| 29 | Luật Xây dựng (Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 02/VBHN-VPQH; 15/7/2020 | Luật |
| 30 | Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (*Điều 58* *đầu tư công trình khẩn cấp*) | 15/2021/NĐ-CP; 03/3/2021 | Nghị định |
| 31 | Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng | 10/2021/NĐ-CP; 09/02/2021 | Nghị định |
| 32 | Nghị định số 49/2019/NĐ-CP ngày 06/6/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân | 49/2019/NĐ-CP; 06/6/2019 | Nghị định |
| **II.9** | **Các văn bản quy định hợp tác quốc tế** |  |  |
| 1 | Luật Quản lý ngoại thương | 05/2017/QH14; 12/6/2017 | Luật |
| 2 | Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương | 69/2018/NĐ-CP; 15/5/2018 | Nghị định |
| 3 | Luật Điều ước quốc tế | 108/2016/QH13; 09/4/2016 | Luật |
| 4 | Luật Luật thỏa thuận quốc tế | 70/2020/QH14; 13/11/2020 | Luật |
| 5 | Nghị định số 64/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Tổng cục, cục thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức | 64/2021/NĐ-CP; 30/6/2021 | Nghị định |
| **II.10** | **Các văn bản liên quan đến hoạt động khác của công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp** |  |  |
| 1 | Luật tổ chức Quốc hội (Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 24/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| 2 | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020) | 23/VBHN-VPQH;  15/7/2020 | Luật |
| 3 | Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 34/2016/NĐ-CP; 14/5/2016 | Nghị định |
| 4 | Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | 154/2020/NĐ-CP; 31/12/2020 | Nghị định |
| 5 | Luật An ninh quốc gia 2004 | 32/2004/QH11 | Luật |
| 6 | Luật Dân quân tự vệ năm 2019 | [48/2019/QH14](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Luat%20Dan%20quan%20tu%20ve_48.2019.QH14.pdf) | Luật |
| 7 | Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ | 72/2020/NĐ-CP; 30/6/2020 | Nghị định |
| 8 | Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức Quốc phòng năm 2015 | [98/2015/QH13](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Luat%20QNCN_Vien%20chuc%20Quoc%20phong_98.2015.QH13.pdf) | Luật |
| 9 | Luật Lực lượng dự bị động viên 2019 | [53/2019/QH14](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Luat%20du%20bi%20dong%20vien_53.2019.QH14.pdf) | Luật |
| 10 | Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên | 79/2020/NĐ-CP; 08/7/2020 | Nghị định |
| 11 | Luật Biên phòng 2020 | [66/2020/QH14](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Luat%20bien%20phong_66.2020.QH14.pdf) | Luật |
| 12 | Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam | 106/2021/NĐ-CP; 06/12/2021 | Nghị định |
| 13 | Luật Cảnh sát biển 2018 | [33/2018/QH14](file:///D:/ThaiCHCN/Tai%20lieu%20van%20ban/Cac%20van%20ban%20PTDS_CHCN/Luat%20bien%20phong_66.2020.QH14.pdf) | Luật |
| 14 | Nghị định số 61/2019/NĐ-CP ngày 10/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cảnh sát biển Việt Nam | 61/2019/NĐ-CP; 10/7/2019 | Nghị định |
| 15 | Luật Bảo vệ bí mật nhà nước | 29/2018/QH14; 15/11/2018 | Luật |
| 16 | Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước | 26/2020/NĐ-CP; 28/02/2020 | Nghị định |
| 17 | Luật Bảo vệ môi trường | 72/2020/QH14; 17/11/2020 | Luật |
| 18 | Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường | 08/2022/NĐ-CP; 10/01/2022 | Nghị định |
| 19 | Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt bi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu | 120/2013/NĐ-CP; 09/10/2013 | Nghị định |
| 20 | Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt bi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 37/2022/NĐ-CP; 06/6/2022 | Nghị định |
| 21 | Thông tư 07/2023/TT-BQP ngày 27/01/2023 của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt bi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu và Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt bi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 07/2023/TT-BQP; 27/01/2023 | Thông tư |